

ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN

TRẦN THỊ LỢI

**GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN  
NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO  
NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC TẠI  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY**

**Ngành: CNDVBC & CNDVLS**

**Mã số: 9229002**

**TÓM TẮT LUẬN LUẬN ÁN TIẾN SĨ CHỦ NGHĨA DUY VẬT  
BIỆN CHỨNG VÀ CHỦ NGHĨA DUY VẬT LỊCH SỬ**

**THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH - NĂM 2025**

**Công trình được hoàn thành tại:**  
**ĐẠI HỌC QUỐC GIA THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC XÃ HỘI VÀ NHÂN VĂN**

**Người hướng dẫn khoa học:**  
**PGS. TS. Nguyễn Xuân Tế**

Phản biện độc lập 1:

Phản biện độc lập 2:

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Phản biện 3:

Luận án được bảo vệ trước Hội đồng đánh giá luận án tại:  
Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia  
Thành phố Hồ Chí Minh

Vào hồi.....giờ ..... ngày ...tháng ...năm ....

**Bạn đọc có thể tìm hiểu luận án tại thư viện:**

1. Thư viện Trung tâm - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
2. Thư viện Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh
3. Thư viện Khoa học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

Thành phố Hồ Chí Minh (TP. HCM) là đầu tàu kinh tế của cả nước với năng suất lao động bình quân hàng năm cao gấp 2,6 lần so với bình quân cả nước, kinh tế của thành phố chiếm 22,2% tỷ trọng quốc gia và thu nhập bình quân đầu người gấp 2,4 lần so với mặt bằng chung của cả nước. (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, trang 24 - 25). Thành phố có hệ thống giáo dục phát triển với nhiều trường đại học (ĐH) và cơ sở đào tạo hàng đầu, thu hút sinh viên đến từ khắp mọi miền. Đồng thời là nơi giao thoa nhiều nền văn hóa khác nhau thể hiện qua các công trình kiến trúc, ẩm thực và lễ hội. Với đặc điểm phát triển, năng động và sáng tạo, thành phố có số lượng dân nhập cư rất lớn, quá trình đô thị hóa diễn ra nhanh.

Cùng với những điểm mạnh, thành phố đang phải đối mặt với những khó khăn và thách thức: ảnh hưởng biến đổi khí hậu, sự nóng lên toàn cầu, mực nước biển dâng và sự gia tăng dân số cơ học lớn nhất cả nước. Trước bối cảnh đó ngành xây dựng – kiến trúc có vai trò quan trọng trong việc định hình không gian đô thị, định hướng phát triển cơ sở hạ tầng góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của thành phố. Để đáp ứng nhu cầu xây dựng và phát triển hạ tầng hiện đại, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao (NL CLC) ngành xây dựng – kiến trúc ngày càng trở lên bức thiết. Các chuyên gia, kiến trúc sư (KTS), kỹ sư (KS) không chỉ có kiến thức chuyên môn vững vàng mà cần có khả năng sáng tạo, nắm bắt xu thế cùng với kỹ năng quản lý, phản biện để giải quyết các vấn đề phức tạp trong thực tế.

Giáo dục đại học (GDĐH) là nền tảng quan trọng, không chỉ cung cấp kiến thức chuyên môn mà còn là nơi giúp sinh viên rèn luyện kỹ năng, phẩm chất, năng lực cần thiết để trở thành nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc. Thời gian vừa qua, GDĐH đã đạt được những thành tựu cung cấp một lượng lớn KS, KTS, thạc sĩ, tiến sĩ, chuyên gia cho ngành xây dựng – kiến trúc cho TP. HCM và cả nước, tuy nhiên thực tế số lượng và chất lượng nguồn NL chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động. Ý kiến từ các doanh nghiệp tại TP. HCM cho thấy nguồn NL ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM còn thiếu kỹ năng thực tế, khả năng thích ứng với công việc, trình độ ngoại ngữ, sự năng động, sáng tạo, tự chủ phát triển bản thân còn hạn chế, dẫn tới việc không đồng bộ về số lượng và chất lượng. Điều này Đảng bộ thành phố chỉ ra những hạn chế trong

lĩnh vực giáo dục và đào tạo tại Đại hội đại biểu đảng bộ thành phố lần thứ XI “chất lượng đào tạo nguồn nhân lực chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và hội nhập của thành phố” (Đảng bộ Thành phố Hồ Chí Minh, 2020, trang 28).

Trước sự phát triển không ngừng của khoa học công nghệ, tăng trưởng bền vững và phát triển kinh tế xanh tại các đô thị đang trở thành xu hướng toàn cầu, sự xuất hiện công nghệ mới, vật liệu mới, xu hướng thiết kế mới và sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường lao động ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM. Trong bối cảnh nhu cầu xây dựng hạ tầng của thành phố ngày càng tăng về số lượng và chất lượng với những công trình chống ngập úng, tòa chung cư cao tầng, những tuyến đường cao tốc Bắc – Nam, đường sắt đô thị trên cao, hệ thống tàu điện ngầm, xây dựng các thành phố thông minh. Để đáp ứng những yêu cầu trên, phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM không chỉ là trách nhiệm của các cơ sở GDĐH mà còn đòi hỏi sự tham gia tích cực từ phía các đơn vị sử dụng lao động và các cơ quan quản lý. Do đó, thực hiện nghiên cứu đề xuất những giải pháp nhằm phát huy hiệu quả vai trò của GDĐH trong việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM là vấn đề có ý nghĩa quan trọng. Kết quả nghiên cứu không chỉ mang lại những đóng góp lý luận và thực tiễn cho lĩnh vực GDĐH và phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc, mà còn góp phần vào sự phát triển bền vững của thành phố. Do vậy, chúng tôi lựa chọn đề tài: ***“Giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay”*** làm luận án tiến sĩ Triết học, chuyên ngành Chủ nghĩa duy vật biện chứng và Chủ nghĩa duy vật lịch sử.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu đề tài**

Nghiên cứu GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC, nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc luôn được sự quan tâm của các nhà nghiên cứu trong nước cũng như nước ngoài, với nhiều hướng tiếp cận khác nhau. Chúng tôi khái quát các công trình tập trung vào các nhóm chính:

*2.1. Các công trình nghiên cứu lý luận về giáo dục đại học, nguồn nhân lực chất lượng cao và vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao*

*Một là, các công trình nghiên cứu khái quát lý luận về giáo dục đại học:* Delbanco (2012) với tác phẩm College: “What It Was, Is, and Should Be?” (Đại học nó là gì và nên là gì?). Bok (2015) nghiên cứu “Higher Education in America” (Giáo dục đại học ở Mỹ). Bowen (2015) nghiên cứu “Higher

Education in the Digital Age. Ngô Bảo Châu cùng cộng sự (2011) tác phẩm “Đại học Humboldt 200 năm (1810 - 2010) kinh nghiệm thế giới và Việt Nam”. Tác giả Nguyễn Văn Tuấn (2011) với cuốn sách “Chất lượng giáo dục đại học nhìn từ góc độ hội nhập. Ngân hàng thế giới (2012) nghiên cứu “Phát huy hiệu quả của giáo dục đại học”. Phạm Đức Chính & Nguyễn Tiến Dũng (2014) bàn về “Giáo dục đại học Việt Nam góc nhìn từ lý thuyết kinh tế - tài chính hiện đại”. Nguyễn Xuân Xanh (2019) nghiên cứu “Đại học, định chế giáo dục cao thay đổi thế giới từ trung cổ đến hiện đại”. Phạm Thành Nghị (2020) bàn về “Quản lý chất lượng GDDH”. Võ Văn Thắng (2020) nghiên cứu “GDDH trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4”. Nguyễn Thị Lan (2020) với luận án Tiến sĩ Triết học “Quá trình đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam - thực trạng và giải pháp”. Nguyễn Quốc Chính và Nguyễn Hội Nghĩa (2022) với công trình “Công tác đảm bảo chất lượng GDDH trong tình hình mới”. Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng Việt Nam (2023) với sách kỉ yếu hội thảo khoa học “Phát triển và nâng cao chất lượng GDDH trong bối cảnh mới.” Nghiên cứu về GDDH, ngoài công trình sách, có nhiều bài báo của các tác giả: Nguyễn Huy Phòng (2023) bài viết “Chất lượng giáo dục đại học nước ta hiện nay”, Trần Thị Minh Tuyết (2022) “Đổi mới giáo dục đại học ở Việt Nam: Thực trạng và giải pháp”; “Đổi mới giáo dục đại học trong bối cảnh cách mạng công nghệ 4.0”. Nguyễn Tiến Công (2020) nghiên cứu về “Xây dựng mô hình quản lý chất lượng trong giáo dục đại học”. Thực tiễn triển khai tại Đại học Quốc gia TP. HCM. Nguyễn Thanh Hải (2017) với “Đổi mới giáo dục đại học và những vấn đề đặt ra với công tác chỉ đạo hoạt động ngoài giờ lên lớp cho sinh viên”....

*Hai là, các công trình nghiên cứu lý luận về nguồn nhân lực chất lượng cao:* Lê Thị Hồng Diệp (2012) nghiên cứu “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu xây dựng nền kinh tế tri thức ở Việt Nam”. Võ Thị Kim Loan (2014) bàn về “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế ở TP. HCM”. Nguyễn Phan Thu Hằng (2017) với công trình “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao tại tập đoàn dầu khí Việt Nam”. Hoàng Minh Lợi (2018) nghiên cứu “Chính sách phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ở Nhật Bản và Hàn Quốc gợi ý cho Việt Nam”. GS. TS Nguyễn Thị Cảnh (2021) với bài viết “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao cho Thành phố Hồ Chí Minh trong bối cảnh cách mạng CN lần thứ tư”. Bài viết “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao trong quá trình xây dựng thành phố thông minh ở TP. HCM” của tác giả Nguyễn Thị Kim Ngân và Đặng Thị Yến

(2022). Tác giả Dương Văn Toàn (2018) với bài viết “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực - một yêu cầu cấp thiết của quá trình CNH - HĐH gắn phát triển kinh tế tri thức ở nước ta hiện nay”. Bùi Xuân Dũng (2020) tập trung nghiên cứu “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm thúc đẩy lực lượng sản xuất trong sự nghiệp đổi mới của Việt Nam hiện nay”.

*Ba là, các công trình nghiên cứu vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao hiện nay:* Harlan (2012) với công trình The Higher Education Bubble (bong bóng giáo dục đại học). Zakaria (2015) với tác phẩm “In Defense a Liberal Education” (giáo dục tự do. Davidson (2015) nghiên cứu “The New Education”: How to Revolutionize the University to Prepare Students for a World in Flux (Nền giáo dục mới: Làm thế nào để cách mạng hóa trường đại học để chuẩn bị cho sinh viên một thế giới thay đổi). Trần Khánh Đức (2014) nghiên cứu về “Giáo dục và phát triển nguồn nhân lực trong thế kỷ XXI”. Lương Công Lý (2014) nghiên cứu về “Giáo dục - đào tạo với việc phát triển nguồn NL CLC ở Việt Nam hiện nay”. Hồ Thị Hà (2023) nghiên cứu về “Vai trò của giáo dục đại học đối với sự phát triển kinh tế - xã hội ở vùng Đồng bằng sông Cửu Long hiện nay” ....

*2.2. Các công trình nghiên cứu về thực trạng và giải pháp nâng cao hiệu quả của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc trên thế giới, trong nước và tại TP. HCM hiện nay*

Suhaili (2015) với nghiên cứu “Soft skills construct for architecture graduate in accordance with industry requirements”. (Xây dựng kỹ năng mềm cho sinh viên kiến trúc tốt nghiệp theo yêu cầu của ngành). TS. KTS. Ngô Lê Minh (2016) bàn về “Phương thức đào tạo mở trong đào tạo nguồn nhân lực kiến trúc – xây dựng” và bài viết “Giáo dục đào tạo mở trong nền kinh tế tri thức để phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực kiến trúc - xây dựng” của PGS.TS. Nguyễn Xuân Mãn và TS. Tăng Văn Lâm (2023). Sách Kỹ yếu hội thảo (2018) về “Nâng cao chất lượng đào tạo các ngành thiết kế trong thời kỳ hội nhập quốc tế”. Nguyễn Vũ Phương (2021) nghiên cứu “Đào tạo nguồn nhân lực ngành xây dựng gắn với thực tiễn và yêu cầu chuyển đổi số”. Nguyễn Thị Hằng (2021) nghiên cứu “Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng”. Rajeev Garg A. K (2022) nghiên cứu “Restructuring architectural education post covid - 19: professional practice and construction industry expectations”. (Tái cấu trúc giáo dục ngành kiến trúc sau Covid 19: Kỳ vọng từ chuyên môn và ngành công nghiệp xây dựng). Nguyễn Quốc Bảo (2023) nghiên cứu “Đào tạo nguồn nhân

lực trong lĩnh vực xây dựng: Một số kinh nghiệm quốc tế và những đề xuất cho Việt Nam”. Nguyễn Cao Lãnh (2023) với nghiên cứu “Tổng quan về đào tạo và hành nghề kiến trúc trên thế giới và tại Việt Nam”. Nguyễn Đức Toàn (2023) bàn về “Vấn đề đổi mới đào tạo kiến trúc đáp ứng giai đoạn cách mạng CN4.0”. Kỷ yếu hội thảo về Xây dựng – Thủy lợi bền vững (2023) là tập hợp các bài viết chia sẻ về những giải pháp phát triển ngành xây dựng – thủy lợi bền vững góp phần thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam.

### 2.3. *Khái quát kết quả nghiên cứu của các công trình tổng quan và những vấn đề luận án cần tiếp tục làm rõ*

Kết quả nghiên cứu của các công trình tổng quan: *Thứ nhất*, các công trình và tài liệu nghiên cứu khái quát những vấn đề lý luận về GDĐH, nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc. *Thứ hai*, làm sáng rõ một số nét thực trạng cũng như những vấn đề đặt ra trong việc thực hiện vai trò của GDĐH với việc phát triển các nguồn lực ở các ngành nghề khác nhau và với sự phát triển kinh tế - xã hội ở một số quốc gia, địa phương. *Thứ ba*, đã có những công trình, bài viết nghiên cứu thực trạng của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc trên thế giới, Việt Nam cũng như ở TP. HCM và đưa ra những giải pháp cải tiến chất lượng GDĐH nhằm phát huy vai trò của GDĐH. Các giải pháp tập trung vào việc cải tiến chương trình, nâng cấp cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế. Đó là những kết quả quan trọng để chúng tôi kế thừa trong quá trình nghiên cứu. Tuy nhiên, rất ít công trình nghiên cứu thực trạng vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc trong bối cảnh TP. HCM đang chịu tác động bởi nhiều yếu tố đến việc thiết kế không gian kiến trúc, xây dựng các công trình phù hợp với sự vận động phát triển của kinh tế, văn hóa, xã hội, công nghệ và nhu cầu của người dân TP. HCM. Do đó, những vấn đề luận án tiếp tục làm rõ:

*Thứ nhất*, bản chất, vai trò của GDĐH với sự phát triển kinh tế - xã hội nói chung của ngành xây dựng – kiến trúc nói riêng.

*Thứ hai*, chỉ ra đặc trưng của nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc và phân tích vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc.

*Thứ ba*, luận giải các yếu tố ảnh hưởng, thực trạng, nguyên nhân và đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

### **3. Mục đích, nhiệm vụ của luận án**

#### **3.1. Mục đích của luận án**

Trên cơ sở làm rõ những vấn đề lý luận chung về GDĐH, về nguồn NL CLC và vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NLCLC ngành xây dựng – kiến trúc. Luận án chỉ ra thực trạng, nguyên nhân thực trạng và đề xuất giải pháp phát huy hiệu quả vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

#### **3.2. Nhiệm vụ của luận án**

*Thứ nhất*, khái quát những vấn đề lý luận chung về GDĐH; nguồn NL CLC ngành xây dựng - kiến trúc; phân tích vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc.

*Thứ hai*, phân tích các yếu tố ảnh hưởng, thành tựu, hạn chế và nguyên nhân thành tựu, hạn chế của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng - kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

*Thứ ba*, đề xuất phương hướng và giải pháp nhằm phát huy hiệu quả vai trò của GDĐH trong việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng - kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

### **4. Đối tượng, phạm vi nghiên cứu của luận án**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu của luận án**

Luận án nghiên cứu vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng - kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu của luận án**

*Phạm vi không gian*: Nghiên cứu thực hiện tại TP. HCM, cụ thể tại các trường đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc, 04 trường điển hình: Trường Đại học Kiến trúc TP. HCM; Trường Đại học Công nghệ TP. HCM, Trường Đại học Sư phạm Kỹ thuật TP. HCM, Trường Đại học Văn Lang.

*Phạm vi thời gian*: Các số liệu được thu thập, khảo sát trong giai đoạn 10 năm từ (2014 - 2024).

*Phạm vi nội dung*: Khảo sát đánh giá mức độ đáp ứng của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc về: tri thức; kỹ năng; thái độ; năng lực sáng tạo và tư duy thẩm mỹ; thể lực và năng lực tự nghiên cứu phát triển bản thân cùng với những điều kiện để giáo GDĐH thực hiện vai trò của mình.

### **5. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

#### **5.1. Cơ sở lý luận của luận án**



Luận án thực hiện dựa trên cơ sở thể giới quan, phương pháp luận của Chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử; tư tưởng Hồ Chí Minh; đường lối, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam và chính sách, pháp luật của Nhà nước Việt Nam cũng như quan điểm của chính quyền TP.HCM về những vấn đề liên quan tới GDDH và nguồn NL CLC. Xuất phát từ quan điểm của các bộ, cơ quan ban ngành liên quan tới ngành xây dựng – kiến trúc.

## **5.2. Phương pháp nghiên cứu**

Thực hiện luận án, chúng tôi sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu, cụ thể: phương pháp trừu tượng hóa, khái quát hóa; phân tích và tổng hợp; logic kết hợp với lịch sử; thống kê và so sánh; phương pháp định lượng kết hợp với điều tra xã hội học và phương pháp định tính. Trong đó, Phương pháp định lượng và điều tra xã hội học được thực hiện dựa trên việc thu thập và phân tích các số liệu từ các báo cáo tổng kết, báo cáo kiểm định trường, báo cáo kiểm định các chương trình đào tạo, báo cáo 3 công khai của các trường ĐH đào tạo ngành xây dựng - kiến trúc. Đồng thời, chúng tôi tiến hành điều tra bằng bảng hỏi với sinh viên, cựu sinh viên, cán bộ các doanh nghiệp trên địa bàn TP. HCM. Phương pháp này sử dụng chủ yếu ở chương 2 nhằm đánh giá thực trạng và nguyên nhân của thực trạng vai trò của GDDH với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng - kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

Phương pháp định tính: Được sử dụng chủ yếu ở chương 1 và chương 2 nhằm thu thập và phân tích các dữ liệu, số liệu thứ cấp trực tiếp từ các chuyên gia, nhà quản lý các cơ sở GDDH, giảng viên, sinh viên, cán bộ doanh nghiệp. Phương pháp được thực hiện bằng công cụ phỏng vấn sâu. Nghiên cứu tập trung vào phỏng vấn trực tiếp hơn 50 cá nhân được chọn ngẫu nhiên - những người giữ vai trò quyết định trong việc đánh giá thực trạng và đưa ra những giải pháp để phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng - kiến trúc thông qua GDDH.

## **6. Đóng góp mới của luận án**

*Một là*, luận án làm rõ đặc trưng và vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao đối với ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM.

*Hai là*, phân tích những thành tựu và những hạn chế vai trò của GDDH với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

*Ba là*, đề xuất các nhóm giải pháp phát huy hiệu quả vai trò của GDDH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc ở TP. HCM hiện nay.

## **7. Ý nghĩa khoa học và ý nghĩa thực tiễn của luận án**

### **7.1. Ý nghĩa khoa học của luận án**

Làm rõ những vấn đề lý luận về giáo dục đại học, nguồn nhân lực chất lượng cao, nguồn nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc một cách cơ bản và hệ thống giúp người đọc hiểu rõ vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng - kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

### **7.2. Ý nghĩa thực tiễn của luận án**

(i) Những phương hướng và giải pháp luận án đề xuất nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng GDĐH với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao sẽ là tài liệu tham khảo bổ ích cho lãnh đạo các trường ĐH đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc, cho đảng bộ, chính quyền các cơ quan ban ngành của TP. HCM tham khảo trong việc đề ra các chủ trương, biện pháp nâng cao chất lượng GDĐH nhằm phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế của thành phố. (ii) Kết quả nghiên cứu có giá trị tham khảo cho việc nghiên cứu, giảng dạy và học tập các học phần lý luận chính trị như: Triết học, Chủ nghĩa xã hội khoa học, các học phần Xã hội học, Giáo dục học và các cá nhân, tổ chức quan tâm đến vấn đề này.

## **8. Kết cấu của luận án**

Bao gồm phần Mở đầu, Kết luận, Phụ lục, Danh mục Tài liệu tham khảo, 3 chương và 8 tiết.

### **Chương 1**

## **KHÁI QUÁT LÝ LUẬN VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC, VỀ NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO VÀ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC**

### **1.1. KHÁI QUÁT VỀ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

#### **1.1.1. Khái quát lịch sử giáo dục đại học thế giới và Việt Nam**

Trong tiểu tiết này, luận án tập trung nghiên cứu sự ra đời và phát triển giáo dục đại học ở phương Tây, phương Đông và đặc biệt chú trọng tới lịch sử ra đời và phát triển của GDĐH ở Việt Nam. Năm 1076 được coi là điểm mốc đánh dấu sự ra đời của hệ thống giáo dục Nho học với việc nhà Lý Khởi lập

Quốc Tử Giám – trường đại học đầu tiên ở Việt Nam đến giai đoạn hiện nay GDĐH Việt Nam có sự phát triển mạnh mẽ về số lượng và chất lượng.

### **1.1.2. Khái quát về quan niệm, bản chất, vai trò của giáo dục đại học**

*Thứ nhất*, quan niệm về giáo dục đại học: Trên cơ sở nghiên cứu quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về giáo dục, quan niệm của các nhà nghiên cứu về GDĐH và quy định trong luật GDĐH Việt Nam, chúng tôi đưa ra quan điểm của mình: *GDĐH là bậc học cao nhất của hệ thống giáo dục quốc dân, có vai trò đào tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao về kiến thức, kỹ năng, thái độ, thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng quyết định sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

*Thứ hai*, bản chất của giáo dục đại học: Nghiên cứu quan điểm của các nhà giáo dục, quan điểm của CN Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về bản chất của giáo dục, chúng tôi rút ra GDĐH là bậc học cao nhất trong hệ thống giáo dục quốc dân, GDĐH mang bản chất: tính dân tộc, tính hiện đại và tính hội nhập. Trong giai đoạn hiện nay tính dân tộc, tính hiện đại và hội nhập của GDĐH hòa quyện, bổ sung và tác động lẫn nhau tạo ra một nền GDĐH hiện đại, đại chúng và tiên tiến nhằm cung cấp nguồn NL CLC đảm bảo sự phát triển bền vững của đất nước.

*Thứ ba*, vai trò của giáo dục đại học đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: GDĐH có vai trò quyết định trình độ của lực lượng sản xuất và nâng cao năng suất lao động; có vai trò quan trọng đối với sự ổn định chính trị, an ninh xã hội và là nền tảng để bảo tồn, sáng tạo và phát triển văn hóa.

### **1.1.3. Khái quát lịch sử và đặc điểm giáo dục đại học ngành xây dựng – kiến trúc**

Nghiên cứu khái quát lịch sử giáo dục đại học ngành xây dựng – kiến trúc trên thế giới và Việt Nam, chúng tôi rút ra đặc điểm giáo dục đại học ngành xây dựng – kiến trúc. *Thứ nhất*, GDĐH ngành xây dựng – kiến trúc mang tính liên ngành và kỹ thuật cao; *Thứ hai*, GDĐH ngành xây dựng – kiến trúc gắn với thực hành và công nghệ; *Thứ ba*, GDĐH ngành xây dựng – kiến trúc cần tính thẩm mỹ, sáng tạo và nghệ thuật.

## **1.2. QUAN NIỆM CHUNG VỀ NGUỒN NHÂN LỰC, NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC**

### **1.2.1. Quan niệm về nguồn nhân lực và nhân lực chất lượng cao**

Trên cơ sở nghiên cứu, kế thừa các quan niệm về nguồn nhân lực, vai trò của nguồn nhân lực đối với sự phát triển kinh tế - xã hội, nguồn nhân lực chất lượng cao của các nhà nghiên cứu, chúng tôi đưa ra quan niệm: *Nguồn nhân lực chất lượng cao là một bộ phận nhân lực có sức khỏe tốt, được trang bị kiến thức, kỹ năng, thái độ ở mức độ chuyên sâu tiệm cận với trình độ phát triển của thế giới, có tư duy đổi mới, sáng tạo, thích ứng nhanh với xu thế hội nhập và nền kinh tế số, đóng góp hiệu quả cho sự phát triển kinh tế - xã hội.*

Tiêu chí về nguồn nhân lực chất lượng cao: *Thứ nhất*, về nhân cách (thái độ) là tiêu chí nền tảng hình thành các tiêu chí khác ở nguồn NL CLC. *Thứ hai*, về thể lực là tiêu chí quan trọng của nguồn NL CLC để đảm bảo cho nguồn nhân lực có đủ sức khỏe thể chất và tinh thần thực hiện công việc một cách hiệu quả. *Thứ ba*, về trí lực là yếu tố trung tâm, cốt lõi khi đánh giá nguồn NL CLC vì trí lực là tiền đề, là cơ sở của lao động. *Thứ tư*, về kỹ năng và tính đổi mới sáng tạo là điểm khác biệt của NL CLC trong giai đoạn hiện nay so với giai đoạn lao động thủ công, thô sơ, khoa học kỹ thuật chưa phát triển. *Thứ năm*, năng lực tự nghiên cứu, phát triển bản thân là những yếu tố cốt lõi để đảm bảo nhân lực đáp ứng yêu cầu cao của thị trường lao động hiện đại.

### **1.2.2. Nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc**

Trong tiểu tiết này chúng tôi nghiên cứu rút ra đặc trưng của nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc và quan niệm về phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc. Là một bộ phận của nguồn NL CLC, nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc vừa mang những tiêu chí chung. Bên cạnh đó, do đặc thù ngành nghề yêu cầu những đặc trưng: tính sáng tạo, tính thẩm mỹ và tính kỷ luật và khả năng làm việc dưới áp lực cao.

*Theo đó, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc là quá trình nâng cao kiến thức, kỹ năng và năng lực của những người làm việc trong ngành xây dựng – kiến trúc nhằm đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường và sự phát triển của công nghệ hiện đại, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.*

### **1.2.3. Vai trò của nguồn nhân lực chất lượng cao đối với sự phát triển kinh tế - xã hội và với ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay**

Trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi rút ra những vai trò chủ yếu của nguồn NL CLC đối với sự phát triển kinh tế - xã hội: *Thứ nhất*, nguồn nhân lực

chất lượng cao đẩy mạnh phát triển và ứng dụng khoa học – công nghệ, chuyển đổi mô hình tăng trưởng và lợi thế cạnh tranh, đảm bảo phát triển nhanh, hiệu quả và bền vững. *Thứ hai*, nguồn nhân lực chất lượng cao là nhân tố quyết định thành công sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. *Thứ ba*, nguồn nhân lực chất lượng cao là điều kiện quan trọng thúc đẩy quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.

Từ đó, chúng tôi rút ra vai trò của nguồn NL CLC đối với ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay: *Thứ nhất*, nguồn NL CLC giúp ngành xây dựng – kiến trúc đáp ứng nhu cầu phát triển đô thị hóa nhanh và tăng khả năng cạnh tranh, hội nhập quốc tế của TP. HCM. *Thứ hai*, nguồn NL CLC là lực lượng ứng dụng công nghệ và đổi mới sáng tạo vào ngành xây dựng – kiến trúc tại TP.HCM. *Thứ ba*, nguồn NL CLC giúp nâng cao năng suất lao động, chất lượng và hiệu quả quản lý dự án.

### 1.3. VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC

#### 1.3.1. Vai trò của giáo dục với việc phát triển nguồn nhân lực

Quan điểm của chủ nghĩa Mác – Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh luôn đề cao vai trò quan trọng của giáo dục với việc phát triển nguồn nhân lực. Sinh thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn quan tâm đặc biệt tới sự nghiệp giáo dục, theo Người giáo dục có vai trò vô cùng quan trọng đối với việc xây dựng con người mới, xã hội mới vì giáo dục giúp mở mang dân trí, đào tạo nguồn nhân lực, bồi dưỡng nhân tài và giáo dục để phát triển toàn diện con người, giải phóng con người.

#### 1.3.2. Vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực

Giáo dục đại học có vai trò rất quan trọng, là điều kiện tiên quyết, nền tảng, là quá trình biến những tri thức, kỹ năng, thái độ thành năng lực chuyên môn và năng lực thực tế là điều kiện nền tảng để nguồn nhân lực trở thành nguồn NL CLC.

#### 1.3.3. Vai trò nền tảng của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc

GDDH trang bị kiến thức nền tảng cho nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc; trang bị kỹ năng mềm; thái độ, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp; đóng vai trò nền tảng trong việc rèn luyện thể lực; là môi trường nuôi dưỡng tư duy thẩm mỹ và năng lực đổi mới sáng tạo và đóng vai trò quan trọng trong việc rèn luyện khả năng tự nghiên cứu và phát triển bản thân cho nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc.

GDDH có vai trò nền tảng trong việc phát triển nguồn NLCLC ngành xây dựng - kiến trúc, song nguồn NL CLC sẽ tiếp tục đặt mục tiêu và tạo động lực cho GDDH không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng.

### **Kết luận chương 1**

Từ việc nghiên cứu khái quát lý luận về GDDH, nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc và vai trò của GDDH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc, giúp chúng tôi hiểu sâu sắc về vai trò nền tảng của GDDH trong việc phát triển nguồn NLCLC ngành xây dựng – kiến trúc.

Nền tảng lý luận trên là cơ sở để chúng tôi phân tích, đánh giá những thành tựu và hạn chế, đồng thời chỉ ra nguyên nhân những thành tựu, hạn chế của GDDH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay trong chương 2 của luận án.

## **Chương 2**

### **THỰC TRẠNG VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY**

**2.1. NHỮNG YẾU TỐ TÁC ĐỘNG TỚI VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY**

#### **2.1.1. Bối cảnh quốc tế**

Bối cảnh quốc tế có những biến đổi nhanh và mạnh mẽ tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc từ GDDH tại TP. HCM. *Một là*, xu thế quốc tế hóa, toàn cầu hóa diễn ra ngày càng sâu rộng. *Hai là*, cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang diễn ra mạnh mẽ trên toàn thế giới. *Ba là*, sự xuất hiện của những vấn đề mang tính toàn cầu ngành

xây dựng – kiến trúc cần phải giải quyết tại TP. HCM.

### **2.1.2. Bối cảnh trong nước và yêu cầu phát triển kinh tế của Thành phố Hồ Chí Minh**

*Một là*, công cuộc đổi mới đất nước Việt Nam đạt nhiều thành tựu quan trọng tạo ra cơ hội cho sự phát triển GDĐH và ngành xây dựng – kiến trúc. *Hai là*, tác động của kinh tế thị trường và hội nhập quốc tế vừa tạo thời cơ đồng thời mang đến cho GDĐH những thách thức. *Ba là*, yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh đặt ra cho GDĐH cần đổi mới, nâng cao chất lượng đáp ứng yêu cầu phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc.

### **2.1.3. Lợi thế về điều kiện tự nhiên, con người, kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội, khoa học – công nghệ và đổi mới sáng tạo của Thành phố Hồ Chí Minh**

*Một là*, điều kiện tự nhiên, yếu tố con người và điều kiện kinh tế, chính trị. *Hai là*, điều kiện văn hóa – xã hội của Thành phố Hồ Chí Minh.

Tóm lại, bối cảnh quốc tế, trong nước và những lợi thế về tự nhiên, kinh tế, chính trị, và văn hóa xã hội của TPHCM tác động sâu rộng đến GDĐH với việc phát triển NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay. Sự tác động này đòi hỏi các cơ sở GDĐH tận dụng những cơ hội đồng thời có những giải pháp ứng phó với những khó khăn và thách thức.

## **2.2. THÀNH TỰU VÀ NGUYÊN NHÂN NHỮNG THÀNH TỰU VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY**

### **2.2.1. Thành tựu vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay**

Từ kết quả khảo sát, chúng tôi nhận thấy, vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM đạt những thành tựu: *Thứ nhất*, GDĐH là chìa khóa gia tăng số lượng nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay. *Thứ hai*, giáo dục đại học là nền tảng thúc đẩy nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh ngày càng phát triển về chất thông qua kết quả thực tế: *Một là*, giáo dục đại học cung cấp tri thức toàn diện làm cơ sở nền tảng cho việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. *Hai là*, bước đầu hình thành cho nguồn

nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc những kỹ năng mềm là yếu tố quan trọng cho sự thành công tại TP. HCM năng động và sáng tạo. *Ba là*, trang bị (*thái độ*) *phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm đúng đắn với tổ chức nghề nghiệp, cộng đồng, xã hội và môi trường thiên nhiên, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ tổ quốc*. *Bốn là*, từng bước đáp ứng về mặt thể lực cho nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay. *Năm là*, hình thành và phát triển cho nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tư duy thẩm mỹ và năng lực sáng tạo, đổi mới. *Sáu là*, giáo dục đại học là môi trường quan trọng trang bị cho nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc khả năng tự nghiên cứu và phát triển bản thân. Những thành tựu trên được minh chứng qua kết quả khảo sát định tính và định lượng.

### **2.2.2. Nguyên nhân những thành tựu vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay**

Những nguyên nhân khách quan: *Một là*, thành tựu cách mạng công nghệ 4.0, xu hướng toàn cầu hóa và hội nhập quốc tế tạo hội cho các cơ sở giáo dục đại học trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc. *Hai là*, quan điểm của Đảng và chính sách của Nhà nước coi trọng công tác giáo dục – đào tạo, coi giáo dục là quốc sách hàng đầu. *Ba là*, Nhà nước từng bước hoàn thiện hệ thống luật giáo dục đại học, có nhiều chiến lược phát triển kinh tế - xã hội cho Thành phố Hồ Chí Minh. Những nguyên nhân chủ quan: *Một là*, sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của Thành ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể TP. HCM trong việc đào tạo nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc. *Hai là*, chất lượng các cơ sở giáo dục đại học ngày càng được nâng cao về mọi mặt.

## **2.3. HẠN CHẾ VÀ NGUYÊN NHÂN HẠN CHẾ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC TẠI TP. HCM HIỆN NAY**

### **2.3.1. Hạn chế vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay**

*Một là*, việc trang bị tri thức cho sinh viên còn nặng về lý thuyết, thiếu kiến thức thực tiễn, khoa học công nghệ, cũng như chưa có sự đồng đều giữa



các cơ sở giáo dục đại học. *Hai là*, việc trang bị kỹ năng và năng lực thích ứng của sinh viên còn hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu của thị trường lao động ngành xây dựng – kiến trúc. *Ba là*, việc truyền cảm hứng nghề nghiệp và trách nhiệm với nghề cho sinh viên chưa được quan tâm đúng mức. *Bốn là*, thể lực của nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu của nhà sử dụng lao động. *Năm là*, tư duy sáng tạo và tính thẩm mỹ trong một bộ phận nguồn nhân lực chưa đáp ứng yêu cầu ngành xây dựng – kiến trúc hiện nay. *Sáu là*, năng lực tự nghiên cứu và phát triển bản thân của sinh viên tại các cơ sở giáo dục đại học còn hạn chế.

### **2.3.2. Nguyên nhân những hạn chế của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay**

Những nguyên nhân khách quan: *Một là*, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ cùng với xu thế toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế sâu rộng mang tới những thách thức với các cơ sở GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc. *Hai là*, mặt trái của nền kinh tế thị trường tác động tới việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay. *Ba là*, quá trình hợp tác đào tạo quốc tế tại các cơ sở giáo dục đại học còn hạn chế. Những nguyên nhân chủ quan: *Một là*, những chính sách của Đảng bộ và chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh chưa tạo động lực cho các cơ sở giáo dục đại học đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc. *Hai là*, nguồn lực cho các cơ sở giáo dục đại học tại TP. HCM hiện nay chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới nâng cao chất lượng GDĐH.

#### **Kết luận chương 2**

Sử dụng tổng hợp các phương pháp nghiên cứu phân tích, tổng hợp, so sánh, đối chiếu, phương pháp định tính, phương pháp định lượng và điều tra xã hội học để tập trung phân tích những yếu tố tác động tới GDĐH với việc phát triển nguồn nhân lực CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay. Những yếu tố trên đặt ra cho GDĐH những định hướng trong việc ngày càng phải quan tâm tới việc đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục ĐH nhằm tạo ra nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc đáp ứng yêu cầu của sự vận động và phát triển của điều kiện kinh tế - xã hội trên thế giới và trong nước. Tiến hành khảo sát đánh giá thực trạng vai trò GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM cho thấy, các cơ sở GDĐH đã đạt được nhiều thành tựu góp phần phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng –

kiến trúc cho TP. HCM và cả nước trong đó đáp ứng về tiêu chí “tri thức” là tốt nhất. Tuy nhiên điều này cho chúng tôi một góc nhìn thực tế, hiện nay các trường vẫn đang tập trung quá nhiều vào trang bị tri thức cho người học. Trong đó, mức độ đáp ứng về “kỹ năng”, “thái độ”, “tư duy thẩm mỹ, sáng tạo”, “thể lực” và “năng lực tự nghiên cứu phát triển bản thân” chưa được các doanh nghiệp đánh giá cao. Kết quả về sự khác biệt tương đối trong việc đánh giá mức độ đáp ứng vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc của các bạn sinh viên đặc biệt về “thái độ”, “kỹ năng” “tư duy thẩm mỹ, sáng tạo”, “thể lực” và “năng lực tự nghiên cứu phát triển bản thân” cho thấy các bạn chưa nhận thức được tầm quan trọng của các tiêu chí trên khi hành nghề thực tế. Trong quá trình nghiên cứu thu thập dữ liệu giúp chúng tôi nhận định về nguyên nhân của những thành tựu và đặc biệt là những hạn chế trong việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc từ GDĐH. Nghiên cứu nhằm tìm ra những phương hướng và đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả trong việc phát huy vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay trong chương 3 của luận án.

### **Chương 3**

#### **PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP PHÁT HUY HIỆU QUẢ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY**

##### **3.1. PHƯƠNG HƯỚNG PHÁT HUY HIỆU QUẢ VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY**

###### **3.1.1. Quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và Đảng bộ, Chính quyền Thành phố về vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay**

Đây cơ sở lý luận và là quan điểm chỉ đạo xuyên suốt quá trình đổi mới giáo dục nói chung và giáo dục đại học nói riêng. Quan điểm, đường lối chính sách đổi mới giáo dục của Đảng dựa trên nền tảng phát triển kinh tế - xã hội của đất nước. Sự phát triển kinh tế - xã hội phụ thuộc vào sản phẩm của GDĐH.

Phương hướng này giúp TP. HCM và các cơ sở giáo dục đại học xây dựng chương trình, kế hoạch, giải pháp đổi mới nâng cao chất lượng GDĐH ngành xây dựng – kiến trúc. Vì vậy, việc quán triệt sâu sắc quan điểm, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước và của Đảng bộ, Chính quyền Thành phố về nâng cao chất lượng GDĐH nhằm phát huy vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay tạo ra sự thống nhất trong Đảng, sự đồng thuận trong xã hội góp phần thực hiện thắng lợi mục tiêu của Thành phố.

### **3.1.2. Phát huy vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng - kiến trúc phải xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tiềm năng của Thành phố Hồ Chí Minh**

Phát triển kinh tế - xã hội và đổi mới nâng cao chất lượng GDĐH có mối quan hệ biện chứng, trong đó phát triển kinh tế - xã hội là điều kiện, tiền đề cho đổi mới, nâng cao chất lượng GDĐH. Việc đổi mới nâng cao chất lượng GDĐH tạo ra nguồn NL CLC cho phát triển kinh tế - xã hội. Vì vậy, trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, mục tiêu giáo dục phải xuất phát từ mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Nhân tố con người hay nguồn nhân lực là chủ thể của quá trình sản xuất, cội nguồn tạo ra sự phát triển kinh tế - xã hội cho nên mục tiêu, chương trình, phương pháp GDĐH ở mỗi giai đoạn phải hướng tới đào tạo ra sản phẩm là nguồn nhân lực thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động, đáp ứng mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia và của từng địa phương. Nếu các trường đại học đổi mới, nâng cao chất lượng GDĐH không xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược kinh tế - xã hội có thể đào tạo sẽ bị chệch hướng, dẫn tới dư thừa nguồn nhân lực đại trà và thiếu nguồn NL CLC trong từng lĩnh vực. Bên cạnh đó, những đặc điểm, tiềm năng thế mạnh riêng có của Thành phố về vị trí địa lý, văn hóa con người, tiềm năng kinh tế - xã hội là cơ sở, điều kiện để các trường đổi mới chương trình, nâng cao chất lượng nhưng cũng đặt các trường đại học trước những thách thức trong việc đào tạo nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc cho Thành phố.

Vì vậy, nâng cao chất lượng GDĐH ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay phải xuất phát từ mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và tiềm năng của TP. HCM.

### **3.1.3. Phát huy vai trò của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh**

## **Minh hiện nay là trách nhiệm của Đảng bộ, chính quyền Thành phố, các Bộ ngành, các cơ sở giáo dục đại học, các doanh nghiệp và người học**

Không có sự quản lý, định hướng của nhà hoạch định chính sách dẫn tới các cơ sở giáo dục lúng túng, không rõ mục tiêu, phương hướng. Cơ sở GDĐH không phối hợp với nhà sử dụng lao động (doanh nghiệp) sẽ dẫn tới việc đào tạo của các cơ sở GDĐH thiếu gắn kết lý luận với thực tiễn, giữa nhu cầu và thực tế đào tạo có thể dẫn tới tình trạng vừa thừa, vừa thiếu nguồn nhân lực. Nếu không có các cơ sở GDĐH thì những mục tiêu định hướng của nhà hoạch định chính sách không trở thành hiện thực, các nhà tuyển dụng không có nhân lực phục vụ cho quá trình lao động. Vì vậy, các chủ thể phải có mối quan hệ mật thiết với nhau trong việc nâng cao chất lượng GDĐH nói chung và GDĐH ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

### **3.2. NHỮNG GIẢI PHÁP CHỦ YẾU PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA GIÁO DỤC ĐẠI HỌC VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC CHẤT LƯỢNG CAO NGÀNH XÂY DỰNG – KIẾN TRÚC TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH HIỆN NAY**

#### **3.2.1. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền thành phố, cơ sở giáo dục đại học, doanh nghiệp và người dân về tầm quan trọng của giáo dục đại học với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay**

Nhận thức là sự phản ánh tích cực sáng tạo thế giới vật chất vào bộ óc của con người trên cơ sở thực tiễn. Nhận thức có vai trò quan trọng trong việc định hướng, điều chỉnh hoạt động thực tiễn của con người vì nó quyết định cách con người suy nghĩ, hành động và ra quyết định. Ph. Ăngghen từng nói “Tất cả cái gì thúc đẩy con người hành động đều tất nhiên phải thông qua đầu óc của họ” (C. Mác - Ph. Ăngghen, 1995, trang 21). Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh “Thực tiễn không có lý luận hướng thì thực tiễn mù quáng. Lý luận mà không liên hệ với thực tiễn là lý luận suông” (Hồ Chí Minh, 2011, trang 95). Thực tiễn phát triển đất nước hay một đô thị không nằm ngoài quy luật trên. Đảng bộ, chính quyền Thành phố Hồ Chí Minh có quan điểm toàn diện, phát triển và quan điểm lịch sử cụ thể trong nhận thức sẽ đưa ra những quan điểm, chủ trương, đường lối, chính sách đúng đắn thúc đẩy GDĐH nhằm phát triển nguồn nhân lực CLC ngành xây dựng – kiến trúc. Các cơ sở GDĐH đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc có đội ngũ lãnh đạo nhận thức vai trò, trách nhiệm của mình đối với xã hội trong việc đào tạo và phát triển nguồn NL CLC cho

thành phố và cho cả nước sẽ đưa ra được tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi của nhà trường, đội ngũ GV, cán bộ viên chức sẽ không ngừng nỗ lực nâng cao chất lượng quá trình đào tạo nhằm đạt mục tiêu đào tạo nguồn NL CLC phục vụ cho nhu cầu phát triển hạ tầng đô thị của Thành phố. Khi người dân Thành phố đặc biệt là các bạn học sinh, sinh viên nhận thức giá trị, tầm quan trọng cũng như cơ hội khi trở thành nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc từ GDDH sẽ tích cực tìm hiểu ngành nghề, khám phá bản thân, chuẩn bị hành trang vào các trường đại học uy tín đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc với mong muốn thực hiện đam mê của mình và đóng góp nhất định cho sự phát triển của thành phố. Do đó, việc nâng cao nhận thức cho Đảng bộ, chính quyền thành phố đặc biệt là người đứng đầu hệ thống chính trị, cùng viên chức, người lao động và sinh viên tại các cơ sở GDDH đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc; người dân và doanh nghiệp cần có những con đường và biện pháp khác nhau.

Việc nâng cao nhận thức cần thực hiện đồng bộ và có sự phối hợp nhịp nhàng sẽ là yếu tố then chốt để phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc góp phần xây dựng TP. HCM trở thành đô thị hiện đại, sáng tạo và bền vững.

### **3.2.2. Hoàn thiện cơ chế, chính sách phát huy vai trò của GDDH với việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay**

Cơ chế, chính sách là công cụ nền tảng quan trọng để xác định rõ mục tiêu, chiến lược và ưu tiên tập trung nguồn lực tài nguyên, ngân sách và nhân lực để nâng cao chất lượng GDDH nhằm phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay. Đồng thời tác động tới việc xây dựng chế độ, chính sách tại các trường ĐH trong việc sử dụng, đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực phục vụ cho GDDH ngành xây dựng – kiến trúc. Đảng, Nhà nước, chính quyền thành phố có cơ chế chính sách hợp lý là động lực để các trường nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu khoa học. Bộ chủ quản và các bộ chức năng, các trường ĐH có cơ chế, chính sách đãi ngộ tốt, phù hợp với từng đối tượng sẽ thu hút và giữ chân nhân tài như đội ngũ giảng viên là những chuyên gia đầu ngành có trình độ chuyên môn cao, có năng lực thực tế tốt, giúp nâng cao uy tín và chất lượng đào tạo. Có chính sách hỗ trợ tài chính, học bổng sẽ giúp phát triển sinh viên tài năng, tạo điều kiện cho sinh viên xuất sắc phát triển toàn diện. Do đó, việc thực hiện đồng bộ các cơ chế chính sách Thứ nhất, từ phía Đảng, Nhà nước: **Một là, cải cách các văn bản pháp lý hiện hành;** Hai

là, đẩy mạnh tự chủ đại học. *Ba là*, tăng cường đầu tư tài chính và có chính sách đa dạng hóa nguồn tài chính cho các cơ sở GDĐH. *Bốn là*, phát triển chính sách liên kết giữa nhà trường và thị trường lao động ngành xây dựng – kiến trúc. *Năm là*, xây dựng khung pháp lý khuyến khích hoạt động nghiên cứu khoa học và đổi mới sáng tạo trong giáo dục đại học. Thứ hai, từ Đảng bộ, chính quyền TP. HCM: *Một là*, xây dựng chiến lược phát triển nguồn nhân NL CLC trong lĩnh vực xây dựng – kiến trúc. *Hai là*, tăng cường hơn nữa việc đầu tư ngân sách của thành phố cho GDĐH đặc biệt đối với ngành xây dựng – kiến trúc. *Ba là*, Thành phố tạo điều kiện cho các trường đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc mở rộng không gian. *Bốn là*, rà soát quy hoạch lại mạng lưới các trường đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc. *Năm là*, tăng cường chính sách thu hút, bồi dưỡng, trọng dụng nhân tài trong GDĐH nói chung, đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc. Đây là vấn đề đặc biệt quan tâm vì để đảm trách sứ mệnh đào tạo nguồn NL CLC cho Thành phố và cả nước. Thứ ba, từ Bộ chủ quản và bộ chức năng: *Một là*, rà soát mục tiêu, chương trình, nội dung giáo dục trong khung chương trình quốc gia, đề xuất giảm tải các học phần lý thuyết, tăng các học phần thực tế, thực hành; từng bước đưa các học phần về công nghệ vào trong chương trình giảng dạy. *Hai là*, rà soát quy chế tuyển sinh, phù hợp với ngành xây dựng – kiến trúc, kiểm soát các trường trong việc ban hành quy chế tuyển sinh đầu vào đảm bảo công bằng cho các trường trong việc thu hút được sinh viên đầu vào. *Ba là*, xem xét lại chế độ làm việc của nhà giáo, cán bộ quản lý trong ngành xây dựng – kiến trúc. *Bốn là*, kiểm soát các trường thực hiện khách quan, minh bạch, rõ ràng thực tế ba công khai, công tác đảm bảo chất lượng bên trong, quy trình thực hiện kiểm định cơ sở giáo dục, chương trình đào tạo đảm bảo công bằng cho các trường đồng thời là một kênh để các Bộ đánh giá và kiểm soát chất lượng đào tạo. *Năm là*, xây dựng, đề xuất các chính sách về nguồn lực tài chính cho các trường đại học, vấn đề nền tảng để thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các trường ĐH, đặc biệt với các trường ĐH công lập chưa tự chủ về tài chính như trường ĐH Kiến trúc TP. HCM. *Sáu là*, nâng cao chất lượng đội ngũ làm công tác chuyên trách trong quản lý GDĐH ngành xây dựng – kiến trúc. Thứ tư, từ các cơ sở GDĐH tại TP. HCM: *Một là*, trường xây dựng quy chế, chính sách hoạt động riêng bao gồm quy chế tổ chức hoạt động của Nhà trường, quy chế về tuyển dụng, bồi dưỡng nhân sự, quy chế về thi đua khen thưởng, quy chế đào tạo. *Hai là*, xây dựng quy chế chi tiêu nội bộ đảm bảo tính khách quan, tính công bằng, chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho cán bộ viên chức

và người lao động nhằm giữ chân các nhân tài, tránh tình trạng người tài xin nghỉ, người năng lực hạn chế ở lại.

### **3.2.3. Nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục đại học phát huy hiệu quả vai trò của GDDH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay**

Chất lượng của cơ sở GDDH phụ thuộc vào rất nhiều yếu tố: chất lượng sản phẩm đầu vào, chất lượng quá trình đào tạo và chất lượng sản phẩm đầu ra. Vì vậy, trong quá trình nghiên cứu, chúng tôi tập trung vào các nhóm giải pháp. *Thứ nhất, đảm bảo về số lượng và nâng cao chất lượng sản phẩm sinh viên đầu vào nhóm ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay*

*Chất lượng đầu vào là cơ sở, nền tảng cho chất lượng đầu ra của GDDH nói chung và giáo dục đại học ngành xây dựng – kiến trúc nói riêng.* Sinh viên có nền tảng kiến thức, kỹ năng, tư duy tốt thường có cơ hội tốt hơn để sử dụng môi trường học tập và đóng góp cho sự thành công của họ trong quá trình học tập và nghiên cứu.

*Một là, khơi gợi cho học sinh trung học phổ thông, sinh viên khát vọng xây dựng đất nước, quê hương mình phồn vinh và hạnh phúc với những công trình xây dựng và những thiết kế kiến trúc tâm cỡ thế giới.*

*Hai là, ngoài chương trình tư vấn tuyển sinh tại các trường trung học phổ thông, các trường đại học phát huy vai trò của trung tâm tư vấn nghề nghiệp cho các bạn học sinh, sinh viên, phụ huynh giúp họ hiểu chi tiết về ngành, nghề xây dựng - kiến trúc, hiểu được đặc điểm của ngành nghề, những tố chất cần thiết để tham gia vào ngành, giúp phụ huynh đầu tư định hướng tốt nhất cho con em trong việc quyết định lựa chọn nghề xây dựng – kiến trúc.*

*Ba là, bên cạnh việc nâng cao chất lượng đầu vào đối với sinh viên chính quy các chương trình đại trà, các trường đặc biệt quan tâm tới chất lượng đầu vào chương trình chất lượng cao và chương trình liên kết đào tạo cũng như chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ và tiến sĩ.*

*Thứ hai, cải tiến nâng cao chất lượng quá trình đào tạo để nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay*

*Để nâng cao chất lượng quá trình đào tạo ngành xây dựng – kiến trúc tại T. HCM hiện nay, đặt ra cho các cơ sở GDDH cần tập trung:*

*Một là*, cập nhật, cải tiến chương trình đào tạo thích ứng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và những xu hướng mới trong ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

*Hai là*, nâng cao chất lượng đội ngũ nhất là đội ngũ giảng viên ngành xây dựng – kiến trúc ổn định về số lượng và đảm bảo về chất lượng tạo nền tảng vững chắc cho việc phát triển nguồn NL CLC.

*Ba là*, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trang thiết bị hiện đại phục vụ cho giảng dạy, học tập và nghiên cứu nhóm ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay.

*Bốn là*, huy động sự tham gia của doanh nghiệp trong việc cùng đầu tư hoặc tài trợ trang thiết bị, xây dựng phòng học thực hành, nghiên cứu tại doanh nghiệp và hỗ trợ sinh viên trải nghiệm thực tế giúp khoảng cách về khoa học công nghệ giữa các cơ sở đào tạo và ngành xây dựng – kiến trúc.

*Năm là*, các cơ sở giáo dục đại học đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học của giảng viên, sinh viên và chuyển giao công nghệ nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và khẳng định vị trí đối với ngành xây dựng – kiến trúc.

### **3.2.4. Nâng cao tinh thần tự học, tự nghiên cứu, chủ động tìm kiếm cơ hội thực hành trang bị những kinh nghiệm thực tế rèn luyện tư duy sáng tạo và xây dựng thái độ học tập tích cực cho người học**

Để phát huy vai trò của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc, bên cạnh những giải pháp từ phía Đảng, Nhà nước, chính quyền TP. HCM, các cơ sở GDĐH và các doanh nghiệp thì giải pháp từ phía người học cũng rất quan trọng. Người học là chủ thể, là trung tâm của quá trình giáo dục và đào tạo. Cần tập trung các nhiệm vụ: *Một là*, nâng cao tinh thần tự học và nghiên cứu khoa học cho người học. *Hai là*, tìm kiếm cơ hội thực hành và trang bị những kinh nghiệm thực tế. *Ba là*, tự học tập và trau dồi khả năng tin học và trình độ ngoại ngữ. *Bốn là*, rèn luyện tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề. *Năm là*, xây dựng thái độ học tập tích cực và chủ động.

### **Kết luận chương 3**

Trong quá trình nghiên cứu những thành tựu đạt được đồng thời chỉ ra những hạn chế và nguyên nhân những thành tựu, hạn chế của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM thông qua kết quả khảo sát tại các trường đại học và các doanh nghiệp làm cơ sở để chúng tôi



đề xuất các phương hướng phát huy hơn nữa hiệu quả của GDDH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc hiện nay.

Từ những phương hướng, chúng tôi đề xuất ba nhóm giải pháp: trước hết, nhóm giải pháp nhận thức, trên cơ sở đó quá trình lâu dài cần đổi mới cơ chế, chính sách tạo điều kiện cho các cơ sở GDDH có điều kiện tốt nhất trong quá trình đào tạo và liên kết với các doanh nghiệp và hợp tác quốc tế. Cuối cùng là cần có quá trình tổ chức thực hiện hiệu quả đặc biệt tại các cơ sở GDDH thực hiện đổi mới, nâng cao chất lượng, đảm bảo về số lượng cho sản phẩm đầu vào; *cải tiến, nâng cao về chất quá trình đào tạo bao gồm tiếp tục cập nhật, cải tiến và đổi mới chương trình đào tạo thích ứng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ và những xu hướng mới trong ngành xây dựng – kiến trúc hiện nay*; nâng cao chất lượng đội ngũ nhất là đội ngũ giảng viên ổn định về số lượng và đảm bảo về chất lượng; nâng cấp cơ sở vật chất hiện đại; đẩy mạnh kết nối với các doanh nghiệp và hợp tác quốc tế tương ứng với tiềm năng và đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ. Bên cạnh đó tăng cường hoạt động gắn kết với các doanh nghiệp trong việc nâng cao chất lượng nhằm cung cấp cho thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao giúp đơn vị sử dụng ít phải tốn thời gian và kinh phí đào tạo lại. Đồng thời để có nguồn NL CLC các trường giáo dục cho bản thân người học nâng cao tinh thần tự học và nghiên cứu khoa học; tích cực, chủ động tìm kiếm cơ hội thực hành và trang bị những kinh nghiệm thực tế; rèn luyện tư duy sáng tạo và khả năng giải quyết vấn đề và xây dựng thái độ học tập tích cực và chủ động.

## **KẾT LUẬN CHUNG**

Giáo dục đại học đóng vai trò then chốt trong việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh. Trước bối cảnh đô thị hóa nhanh chóng, nhu cầu về nhân lực có trình độ cao trong lĩnh vực này ngày càng trở nên cấp thiết, nhằm đáp ứng yêu cầu về thiết kế, thi công, quản lý công trình hiện đại và bền vững.

Việc nâng cao chất lượng giáo dục đại học trong ngành xây dựng – kiến trúc không chỉ góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực tại TP.HCM mà còn nâng cao năng lực cạnh tranh của ngành trên trường quốc tế. Do đó, các cơ quan quản lý, nhà trường và doanh nghiệp cần có sự phối hợp chặt chẽ, đầu tư mạnh mẽ

hơn vào đào tạo và nghiên cứu, từ đó cung cấp cho thị trường nguồn nhân lực chất lượng cao tạo động lực thúc đẩy phát triển thành phố bền vững, hiện đại và hội nhập toàn cầu.

Trên cơ sở nghiên cứu những vấn đề lý luận chung và khảo sát thực trạng hiện nay cho thấy, bên cạnh những thành tựu đạt được của GDĐH với việc phát triển nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM về tri thức, kỹ năng, thái độ, năng lực sáng tạo, thẩm mỹ, thể lực và năng lực tự nghiên cứu phát triển bản thân, vẫn còn những hạn chế được thể hiện khối lượng tri thức còn nặng về lý thuyết, thiếu thời lượng thực tế và thực hành, thiếu những kiến thức về công nghệ và những xu hướng xây dựng – kiến trúc mới, tỷ lệ sinh viên theo học ngành xây dựng – kiến trúc có xu hướng giảm. Kỹ năng mềm được các cơ sở GDĐH chú trọng phát triển cho sinh viên, tuy nhiên chương trình cũng như phương pháp giảng dạy còn nặng về cung cấp kiến thức, thiếu cơ hội để sinh viên phát triển kỹ năng, sinh viên khi ra trường chưa được các doanh nghiệp đánh giá cao. Năng lực sáng tạo và thẩm mỹ là rất cần thiết và là sự khác biệt của nguồn NL CLC ngành xây dựng – kiến trúc so với các ngành khác tuy nhiên chưa làm hài lòng các doanh nghiệp. Năng lực tự nghiên cứu phát triển bản thân mới có được ở số ít các bạn sinh viên, một bộ phận sinh viên vẫn thụ động, học để lấy bằng cấp, học cho xong để ra trường thiếu ý chí, nghị lực thậm chí bỏ học giữa chừng. Chất lượng đào tạo giữa các cơ sở GDĐH không đồng đều. Những hạn chế trong việc thực hiện vai trò của GDĐH bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân bao gồm cả những nguyên nhân khách quan. Để nâng cao hiệu quả, chất lượng công tác GDĐH trong việc phát triển nguồn NLCLC ngành xây dựng – kiến trúc tại TP. HCM hiện nay, Đảng bộ, chính quyền thành phố cũng như các trường đại học và doanh nghiệp cần tập trung vào các nhóm giải pháp về nâng cao nhận thức nhận thức; nhóm giải pháp về cơ chế, chính sách và giải pháp nâng cao chất lượng các cơ sở giáo dục đại học cũng như đẩy mạnh khả năng tự học của sinh viên.

## **DANH MỤC CÔNG TRÌNH ĐƯỢC CÔNG BỐ LIÊN QUAN ĐẾN LUẬN ÁN**

1. Tác giả “Developing high - quality human resources in Ho Chi Minh City to meet the requirements of the industrial revolution 4.0”. Hội thảo Quốc tế năm 2022, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn TP. HCM, Chỉ số ISBN: 978 – 604 – 479 – 466 - 2. Nxb. ĐH Quốc gia TP. HCM, năm 2022.

2. Tác giả “Giáo dục lý tưởng cách mạng cho thanh niên ở Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay.” Hội thảo khoa học Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Chỉ số ISBN: 978-604-73-9343-5. Nxb. ĐH Quốc gia TP. HCM, năm 2022.

3. Tác giả “Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn Lý luận theo chương trình mới tại trường Đại học Kiến trúc TP. HCM. Hội thảo Khoa học trường Đại học Cần Thơ. Chỉ số ISBN 978 – 604 – 965 – 209 – 7 năm 2023. Nxb. Đại học Cần Thơ, năm 2023.

4. Tác giả “High Quality Universal Education Create High Quality Human Resources for The Construction industry, Case In HCMC” đăng trên tạp chí E3S Web of Conferences. Scopus Q4 năm 2024.

Link: <https://doi.org/10.1051/e3sconf/202453503007>.

5. Tác giả “Nâng cao chất lượng đội ngũ giảng viên trước yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao ngành xây dựng – kiến trúc tại Thành phố Hồ Chí Minh”. Tạp chí khoa học Đại học Văn Lang, Chỉ số ISSN 25 25 24 29, Tập 8 (47), số 5 (2024).

6. Admission in infrastructure engineering program at Ho Chi Minh City University of Architecture aims to develop high – quality human resources”. Tạp chí khoa học Đại học Văn Lang. Chỉ số: ISSN 25 25 24 29. Số 3 (9/2024). Trang 50 – 58.